

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 9 năm 2023

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Thùy;

Ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Lệ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1987, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị T2, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh T2 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, cưới hỏi, chứng kiến của hai bên gia đình theo phong tục truyền thống. Ngày 06/3/2009 cả hai anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh L. Trong thời gian đầu sinh sống vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau vun vén gia đình, chăm sóc con cái và mọi công việc gia đình do chị T đảm nhiệm. Anh T2 tính tình nóng nảy, luôn đe dọa chửi bới chị T, có lần anh T2 đã đánh chị T nhưng chị T tránh được và có hàng xóm ra can ngăn kịp thời. Từ đó anh T2 hay đi uống rượu, say rượu khi chị T góp ý thì anh T2 dọa giết chị T. Đến tháng 5/2022 chị T đã sống ly thân anh T2 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn yêu thương chăm sóc ai, chị T tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để chị có cơ hội xây dựng cuộc sống mới. Về con chung: có 02 con chung, là cháu Hoàng Ngọc L sinh ngày 22/4/2009 và cháu Hoàng Hà L1, sinh ngày 23/3/2013 hiện đang ở với anh T2. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa giải quyết cho anh T2 là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị T có quyền đi lại thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Nay chị Hà Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng Văn T1. Quá trình giải quyết vụ án anh T2 dù biết việc chị T yêu cầu xin ly hôn với anh nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải và đã làm đầy đủ các thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh Hoàng Văn T1 có mặt tại phiên tòa và trình bày: Anh T2 và chị T khi đến với nhau được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có sự cưới hỏi, chứng kiến của hai bên gia đình theo phong tục truyền thống. Ngày 06/3/2009 cả hai anh chị được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian đầu sinh sống vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau vun vén gia đình, chăm sóc con cái sau đó vợ chồng sống bất đồng quan điểm nên đã xảy ra mâu thuẫn như chị T đã trình bày là đúng. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn; về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, là cháu Hoàng Ngọc L sinh ngày 22/4/2009 và cháu Hoàng Hà L1, sinh ngày 23/3/2013 hiện đang ở với anh T2, khi ly hôn anh T2 có trách nhiệm là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và đây cũng là nguyện vọng của các con. Chị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị T có quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại biên bản lấy lời khai, bà Hoàng Thị T2 trình bày: Hiện nay anh T2 và chị T không có mặt tại địa phương, anh T2 chị T đi làm công ty ở đâu thì bà không biết, anh T2 thỉnh thoảng về thăm các con, còn chị T không về thăm con. Anh T2 hàng tháng vẫn gửi tiền về cho bà để nuôi các con ăn học, hiện các con của anh T2 ở cùng bà T3, bà có nhà cho các cháu ở và đủ sức khỏe chăm sóc cho các cháu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nhưng tại phiên tòa bị đơn có mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 51, 56, 57, khoản 1, 3 Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc L sinh ngày 22/4/2009 và cháu Hoàng Hà L1, sinh ngày 23/3/2013 cho anh T2 là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị Hà Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: do các bên đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hà Thị T và anh Hoàng Văn T1 đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nhưng tại phiên tòa bị đơn có mặt, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án

xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Hà Thị T và bà Hoàng Thị T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[3] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Đây là vụ án tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, do đó pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình và Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Hà Thị T và anh Hoàng Văn T1 tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn ngày 06/3/2009. Do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T2 xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022. Nay chị Hà Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn T1 đều vắng mặt không có lý do, và chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[6] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh tại thôn, xã và xác định được trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn T1 không có mặt tại địa phương do đi làm công ty nhưng anh Hoàng Văn T1 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn Bình Độ, xã Quốc Việt. Về quan hệ hôn nhân trong thời gian gần đây anh T2 và chị T có mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân. Bà Hoàng Thị T2 mẹ của anh T2 cho biết: Hiện anh T2 và chị T đi đi làm công ty không về nhà, chị T đã bỏ về bên mẹ để sinh sống, tết năm 2022 có về nhà chồng ăn tết xong rồi lại về mẹ để cho đến nay không về nhà chồng nữa; về tình trạng hôn nhân của chị T với anh T2 thì bà T3 không nắm được.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

[8] Về con chung: có 02 con chung là Hoàng Ngọc L sinh ngày 22/4/2009 và cháu Hoàng Hà L1, sinh ngày 23/3/2013 hiện đang ở với anh T2 và bà Hoàng Thị T2 (bà nội của các cháu). Khi ly hôn chị Hà Thị T yêu cầu anh T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung do chị T hiện nay không có nhà, chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự tự nguyện của chị T là hoàn toàn phù hợp vì hiện nay chị T không có nhà ở phải sống nhờ bà ngoại, đi làm Công ty không ở nhà, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[10] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị Hà Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 146, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hà Thị T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

3. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là Hoàng Ngọc L sinh ngày 22/4/2009 và cháu Hoàng Hà L1, sinh ngày 23/3/2013 (hiện 02 cháu đang ở với T2) đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị T có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/một cháu/một tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Hà Thị T có quyền được đi lại thăm nom các con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng chị T phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) án phí nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0006392 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Nay chị Hà Thị T phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí nộp ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị đơn anh Hoàng Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn chị Hà Thị T và bà Hoàng Thị T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn,
- Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn,
- VKSND huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định.
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND xã Quốc Việt.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bàn Văn Tiễn

